

Số: /QĐ-UBND

Long An, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch  
do Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cần Đước sản xuất

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân công thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan và phân cấp quyết định giá; trình tự, quy trình thẩm định phương án giá đối

với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của UBND tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình 4643/TTr-SXD ngày 25/10/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định giá tiêu thụ nước sạch do Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cần Đước sản xuất, cụ thể như sau:

\* Khu vực đô thị:

- Giá bán buôn nước sạch (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5%) là 11.808 đồng/m<sup>3</sup>.

- Giá bán lẻ nước sạch bình quân (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5%) là 12.923 đồng/m<sup>3</sup>.

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Giá gồm VAT (đồng/1m <sup>3</sup> )
Nhóm I	- Hộ nghèo (có sổ hộ nghèo): Theo thực tế sử dụng	9.693
	- Mức dưới 10m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	10.339
	- Từ trên 10m <sup>3</sup> -20m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	12.923
	- Từ trên 20m <sup>3</sup> -30m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	14.927
	- Trên 30m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	15.870
Nhóm II	Nước dùng cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện), phục vụ mục đích công cộng	14.927
Nhóm III	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	16.477
Nhóm IV	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	16.994

\* Khu vực nông thôn:

- Giá bán buôn nước sạch (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5%) là 9.343 đồng/m<sup>3</sup>.

- Giá bán lẻ nước sạch bình quân (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5%) là 10.998 đồng/m<sup>3</sup>.

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Giá gồm VAT (đồng/1m <sup>3</sup> )
Nhóm I	- Hộ nghèo (có sổ hộ nghèo): Theo thực tế sử dụng	8.248
	- Mức dưới 10m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	8.798
	- Từ trên 10m <sup>3</sup> -20m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	10.998
	- Từ trên 20m <sup>3</sup> -30m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	12.428
	- Trên 30m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	12.670
Nhóm II	Nước dùng cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện), phục vụ mục đích công cộng	12.647
Nhóm III	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	13.417
Nhóm IV	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	14.737

Trong đó:

- Giá bán 1 m<sup>3</sup> nước cho từng mục đích sử dụng đã có thuế GTGT 5%.

- Giá tiêu thụ nước sạch nêu trên chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh:

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thẩm định trong phương án giá nước sạch sinh hoạt theo quy định, kiểm tra thực hiện quyết định

giá nước sạch theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính, xử lý các vi phạm liên quan đến lĩnh vực giá.

- Các sở, ngành tỉnh: Tài chính, Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và UBND huyện Cần Đước theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án giá nước sạch sinh hoạt áp dụng trên địa bàn theo quy định.

- Sở Y tế: Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT, Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Long An và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Giao Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cần Đước:

- Thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của đơn vị cấp nước được quy định tại Điều 55 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT, Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Long An và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

- Tổ chức thực hiện theo phương án giá nước sạch sinh hoạt được UBND tỉnh phê duyệt. Chủ động rà soát việc thực hiện phương án giá nước sạch sinh hoạt theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

3. UBND huyện Cần Đước phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Cần Đước và các tổ chức chính trị - xã hội thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tổ chức, cá nhân và nhân dân, đồng thời giám sát việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời điểm áp dụng giá nước sạch nêu trên kể từ ngày 01/12/2024.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cần Đước; Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cần Đước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Luan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**